

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2024/DS-PT

Ngày: 12/ 9 /2024.

V/v tranh chấp đòi lại tài sản và
yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự
vô hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán:

Ông **Đặng Văn Lộc**

Ông **Nguyễn Văn Trường**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Chiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông
Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLPT – DS, ngày
06 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu tuyên bố giao dịch
dân sự vô hiệu*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của
Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2024/QĐ-PT ngày 05
tháng 6 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T2.

Địa chỉ trụ sở: F, đường A, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, chức vụ:
Giám đốc: có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Hồ N**,
Luật sư của Công ty L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V: có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ngân hàng N1 (trước đây có tên Công ty TNHH MTV N2). Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng L**, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng N1 Nông nghiệp – Chi nhánh V1 làm đại diện tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 04/9/2024): có mặt

Địa chỉ liên lạc: Số B, H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Trần Hoàng T** – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Bá T1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh V: có mặt

2.2. Công ty TNHH Đ1.

Địa chỉ trụ sở: Số I, đường V, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Thái Minh P**, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 134/11E, đường Ngô Gia Tự, phường An Hoà, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV Đ2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Trọng M**, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2019 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/8/2019, 09/12/2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần T2 (gọi tắt là công ty T2) có ký kết hợp đồng số: 03/HĐKT.NA-09 và hợp đồng số: 04/HĐKT.NA-09, ngày 24 tháng 5 năm 2009 với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) về việc Công ty Đ1 giao thầu cho công ty T2 thực hiện thi công xây dựng công trình Block C và Block C phường E, thành phố V. Ngoài ra, năm 2007 hai bên công ty còn ký kết hợp đồng để thi công công trình Block C1.1. Theo đó, giá trị xây dựng Block C1.3 bằng 8.424.000.000 đồng, Block C1.2 bằng 8.310.600.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng 180 ngày kể từ ngày bên A giải ngân thanh toán phần móng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Tổng giá trị xây dựng 03 Block C1.1, C1.2 và C1.3 và tiền Công ty Đ1 vay của công ty T2 tổng cộng bằng 18.879.486.536 đồng, nhưng Công ty Đ1 chỉ thanh toán được một phần. Quá trình thi công, công ty T2 đã xây dựng hoàn thành Block C1.1, còn Block C1.2 và Block C1.3 chưa hoàn thành, nguyên nhân là do Công ty Đ1 không thanh toán tiền. Tính đến ngày 20/9/2017, Công ty Đ1 còn nợ công ty T2 số

tiền 6.722.073.000 đồng và tiền lãi bằng 7.809.836.000 đồng. Tổng cộng bằng 14.531.909.000 đồng.

Tuy nhiên, ngày 25/10/2018, Ngân hàng N1 - chi nhánh V1 (*gọi tắt là Ngân hàng N1*) với Công ty Đ1 thỏa thuận bán toàn bộ tài sản do Công ty T2 đã đầu tư xây dựng trên đất mà không có sự thỏa thuận của công ty T2; toàn bộ số tiền bán tài sản hiện do Ngân hàng N1 đang quản lý làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của công ty T2. Do đó, công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N1 và Công ty TNHH Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho công ty T2 số tiền vốn, lãi bằng 14.531.909.000 đồng.

Bị đơn là Ngân hàng N1 trong quá trình giải quyết vụ án do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 21/5/2007, Ngân hàng N1 có cho Công ty TNHH Đ1 vay số tiền 19.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 07.20905.0002/HĐTD, tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai gồm 79 căn nhà gồm 03 Block (C1.1, C1.2 và C1.3).

Đối với Block C1.1 gồm 15 căn, giá trị hợp đồng 7.327.964.881đ, Ngân hàng N1 đã giải ngân 6.135.000.000 đồng (chuyển tiền mặt 5.635.000.000 đồng; chuyển trả tiền thi công cho công ty T2 500.000.000 đồng).

Block C1.2 và C1.3 gồm 35 căn theo 02 hợp đồng xây dựng số: 03/HĐXD.NA-09, giá trị hợp đồng 8.424.000.000 đồng và hợp đồng xây dựng số: 04/HĐXD.NA-09, giá trị hợp đồng 8.310.600.000 đồng. Ngân hàng N1 đã giải ngân cho Công ty Đ1 số tiền 13.365.000.000 đồng (trong đó tiền mặt là 3.915.000.000 đồng và chuyển khoản cho công ty T2 là 9.450.000.000 đồng).

Như vậy, Ngân hàng N1 đã giải ngân cho công ty N3 tổng cộng 19.500.000.000 đồng để trả tiền cho công ty T2 căn nhà. Tuy nhiên, thực tế thì công ty T2 chỉ xây dựng được 32 căn chưa hoàn thành (trong đó 15 căn công ty T2 đã mua lại và 17 căn chỉ xây dựng một phần), còn lại 47 căn chưa xây dựng nhưng Công ty Đ1 đã nhận đủ tiền vay. So với khối lượng thi công và số tiền giải ngân thì đủ cơ sở xác định phần đã thi công là tài sản được hình thành hoàn toàn từ vốn vay của Ngân hàng N1, thuộc tài sản thế chấp của Ngân hàng N1 và Công ty Đ1 cũng tự nguyện ký văn bản thỏa thuận, bàn giao cho Ngân hàng N1 bán đấu giá để trả nợ. Vì vậy, công ty T2 khởi kiện yêu cầu Ngân hàng N1 hoàn trả lại tiền từ việc bán đấu giá tài sản của Công ty Đ1 là không có cơ sở nên không đồng ý.

Đối với yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1 là không có căn cứ. Vì, thỏa thuận bán tài sản giữa Ngân hàng N1 và Công ty Đ1 được ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc; các tài sản thỏa thuận bán đều được Công ty Đ1 thế chấp và thuộc quyền sở hữu của Công ty Đ1. Đối với Hợp đồng thế chấp số: 28/03, ngày

28/3/2008 cũng được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện và được Phòng C tỉnh Vĩnh Long chứng nhận phù hợp pháp luật.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1), cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty Đ1 ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N1 - chi nhánh V1 để vay số tiền 15.291.060.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/3/2008, tài sản thế chấp gồm 80 quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, phía Ngân hàng N1 đã tự ý thêm vào tại Điều 6 của hợp đồng với nội dung “*Hợp đồng thế chấp này còn bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh sau này*” nhưng chưa được sự đồng ý của Công ty TNHH Đ1.

Do không biết việc Ngân hàng N1 thêm vào nội dung nêu trên nên Công ty TNHH Đ1 đã ký vào văn bản thỏa thuận ngày 23/8/2018 với Ngân hàng N1 để từ đó Ngân hàng N1 đem 98 quyền sử dụng đất đi bán đấu giá vào ngày 25/10/2018. Mặt khác, Ngân hàng N1 đã gửi cho Công ty Đ1 sai địa điểm tổ chức đấu giá làm ảnh hưởng đến quyền giám sát của người có tài sản bán đấu giá; Ngân hàng N1 đã thuê đơn vị thẩm định giá tài sản nhưng không thẩm định giá tài sản và đưa ra bán đấu giá tài sản có liên quan đến các tài sản trên đất là phần móng của Block C1.2 gây thiệt hại cho Công ty Đ1 và Công ty T2.

Do đó, Công ty TNHH Đ1 yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản số: 28/03, ngày 28/3/2008 và vô hiệu Văn bản thỏa thuận bán tài sản ngày 23/8/2018, giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh V1 với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1.

Vụ án đã được thụ lý giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm, cụ thể như sau:

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã tuyên án:*

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc yêu cầu Công ty TNHH Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 14.531.909.000đ. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc buộc Ngân hàng N1 hoàn trả lại số tiền 14.531.909.000đ.

+ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1 về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản số: 28/03, ngày 28/3/2008, giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh V1 và Công ty TNHH Đ1, được chứng nhận của Phòng C tỉnh Vĩnh Long số: 878/HĐGD, ngày 14/4/2008 và tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận bán tài sản ngày 23/8/2018, giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh V1 với Công ty TNHH Đ1.

- *Tại bản án dân sự phúc thẩm số 01/2022/DS-PT ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày*

04/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm:

Nguyên đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện xác định khởi kiện đối với bị đơn gồm: Ngân hàng N1 và Công ty TNHH Đ1 và không yêu cầu cá nhân, tổ chức khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không bổ sung thêm chứng cứ nào mới.

Ngân hàng N1 có văn bản tự khai đề ngày 16/8/2022 nội dung: Đối với bản án dân sự phúc thẩm tại trang 6 của bản án thể hiện nội dung không đúng với diễn biến hỏi trả lời tại phiên tòa, cụ thể: Tại phiên tòa phúc thẩm ông L người đại diện trình bày thừa nhận có thiếu sót trong việc không thông báo cho Công ty T2 khi tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ chứ không xác định có lỗi trong việc giao kết hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay như nội dung bản án phúc thẩm ghi trong bản án. Vì vậy, Ngân hàng N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1.

Công ty TNHH Đ1 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản nêu ý kiến, không tham gia tố tụng theo thông báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp chứng cứ theo thông báo của Tòa án.

Công ty TNHH MTV Đ2 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản nêu ý kiến, không tham gia tố tụng theo thông báo triệu tập của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 201, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 166, 117, 122, 127 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc đòi Ngân hàng N1 liên đới trách nhiệm với Công ty TNHH Đ1 trả số tiền 17.452.863.906 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Đ1 trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 2.047.923.536 đồng (hai tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi ba ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng) đầu tư xây dựng công trình block C1.2, block C1.3 và 2.950.716.495 đồng (hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu, bảy trăm mười sáu ngàn, bốn trăm chín mươi lăm đồng)

tiền lãi chậm thanh toán, tổng cộng 02 khoản bằng số tiền 4.998.640.031 đồng (bốn tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn lẻ ba mươi mốt đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1, lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn là Công ty Cổ phần T2 có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không tranh chấp hợp đồng xây dựng và vay tài sản trong vụ án này. Đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với số tiền liên quan công trình xây dựng thuộc Block C1.1. Công ty T2 chỉ kháng cáo yêu cầu buộc Ngân hàng N1 liên đới với Công ty TNHH Đ1 trả lại cho Công ty T2 số tiền theo bản án sơ thẩm đã giải quyết, tổng cộng 4.998.604.031 đồng. Lý do kháng cáo: Công trình xây dựng các Block C1.2 và C1.3 thuộc sở hữu của Công ty T2 do chưa bàn giao cho Công ty Đ1 nhưng Ngân hàng N1 và Công ty Đ1 đã chuyển nhượng không được sự đồng ý của Công ty T2.

Bị đơn là Ngân hàng N1 do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngân hàng N1 đã giải ngân số tiền xây dựng Block C1.2 và C1.3, Công ty T2 đã nhận tiền đầu tư xây dựng từ Công ty Đ1. Tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty Đ1 đối với Ngân hàng N1 nhưng bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản hình thành trong tương lai. Số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc nghĩa vụ của Công ty Đ1. Ngân hàng N1 không có lỗi nên không đồng ý liên đới trả tiền theo yêu cầu của Công ty T2.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự như bản án sơ thẩm đã xác định. Các đương sự không tranh chấp hợp đồng xây dựng và quan hệ vay tài sản trong vụ án này. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo liên quan công trình xây dựng Block C1.1 được bị đơn có mặt tại phiên tòa đồng ý.

- Về giá trị thi công phần xây dựng Block C1.2 và C1.3 là căn cứ Biên bản nghiệm thu, bản tính giá trị khối lượng công trình với số tiền như bản án sơ thẩm đã xác định. Cụ thể: B, giá trị xây dựng 6.435.179.611 đồng (phần móng 2.110.920.948 đồng, hạng mục phần thân 4.324.258.663 đồng); B1, giá trị xây dựng 2.062.743.483 đồng (chỉ mới xây dựng được phần móng).

- Nguồn gốc số tiền xây dựng do Công ty T2 thực hiện là từ vốn vay của Công ty Đ1 vay của Ngân hàng N1 và Công ty Đ1 đã thanh toán cho Công ty T2 bằng

hình thức ủy nhiệm chi từ tài khoản tiền vay của Ngân hàng N1 với số tiền từng lần là 650.000.000 đồng; 5.800.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng.

- Công ty T2 có tham gia tổ tụng khi Ngân hàng N1 khởi kiện Công ty TNHH Đ1 trả tiền vay nhưng Công ty T2 không có yêu cầu độc lập về số tiền xây dựng trên tài sản bảo đảm hợp đồng vay.

Vấn đề không thống nhất:

- Về chủ sở hữu công trình xây dựng trên đất: Công ty T2 cho rằng nguyên đơn vẫn còn quyền sở hữu tài sản đã xây dựng theo hợp đồng xây dựng với Công ty Đ1 do tài sản chưa được bàn giao, chưa đăng ký giao dịch bảo đảm với Ngân hàng N1. Nhưng Ngân hàng N1 không đồng ý vì cho rằng là tài sản của Công ty Đ1 hình thành từ vốn vay thuộc hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai giữa Ngân hàng và Công ty Đ1. Ngân hàng N1 có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ vay theo thỏa thuận với bên vay, còn việc thanh toán tiền xây dựng là nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng xây dựng giữa Công ty Đ1 và công ty T2.

- Đối với số tiền thanh toán 5.800.000.000 đồng, nguyên đơn, Công ty T2 trình bày đã chuyển trả lại cho Công ty Đ1 3.000.000.000 đồng vì chưa xây dựng phần thân nhà của Block C1.2 nên thực tế chỉ được Công ty Đ1 thanh toán tổng cộng 6.450.000.000 đồng nhưng bị đơn, Ngân hàng N1 cho rằng đã giải ngân cho Công ty Đ1 để thanh toán cho Công ty T2 nên việc chuyển trả lại 3.000.000.000 đồng thì Công ty T2 phải tự chịu trách nhiệm.

- Ngân hàng N1 trình bày đã giải Ngân tiền mặt cho Công ty Đ1 số tiền 2.780.000.000 đồng, trong đó, ông Đ đại diện cho Công ty T2 đã có văn bản xác nhận đồng ý cho thanh toán bằng tiền mặt thuộc phần móng Block số C1.2 và C1.3 số tiền 2.200.000.000 đồng nên phải tính số tiền này vào phần đã thanh toán của công trình, nâng tổng số tiền đã giải ngân cho công trình C1.2 và 1.3 là 11.670.000.000 đồng nhưng Công ty T2 không thừa nhận đã nhận số tiền như Ngân hàng N1 trình bày.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn theo hướng buộc Ngân hàng N1 có nghĩa vụ liên đới vì tài sản là các căn nhà và phần móng C1.2, C1.3 chưa được đăng ký bảo đảm, Ngân hàng N1 có lỗi vì không thông báo cho Công ty T2 khi bán tài sản, vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản. Xác nhận của ông Đ đối với số tiền 2.200.000.000 đồng không phải là chứng cứ giao nhận tiền từ Ngân hàng N1. Bản chất của hợp đồng xây dựng số 03, 04 là giao khoán nên tài sản xây dựng trên block C1.2, C1.3 chưa được bàn giao thì vẫn còn thuộc sở hữu của Công ty T2.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn là Ngân hàng N1 đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo vì Ngân hàng N1 có quyền xử lý tài sản theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Thông qua các ủy nhiệm chi và chuyển tiền mặt, công ty T2 đã nhận tiền nhiều hơn giá trị xây dựng thực tế. Ngân hàng N1 là bên ưu tiên được thanh toán, không có nghĩa vụ phải thông báo cho công ty T2 khi xử lý tài sản thu hồi nợ. Bản chất hợp đồng xây dựng số 03, 04 là giao nhận thầu thi công, Công ty T2 là bên được thuê xây dựng và được giải ngân theo tiến độ nên cho rằng các block nhà đang xây dựng là bất động sản thuộc sở hữu của Công ty T2 để yêu cầu Ngân hàng N1 có nghĩa vụ liên đới với Công ty Đ1 là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Người tiến hành tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngân hàng N1 có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 281, 298 của Bộ luật dân sự năm 2005 do có lỗi ngang nhau với Công ty TNHH Đ1 trong việc xử lý tài sản chưa được bàn giao theo Điều 80 Luật xây dựng, vi phạm Điều 6 Hợp đồng thế chấp tài sản, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 178/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo liên quan công trình xây dựng Block C1.1 do nguyên đơn đã rút tại phiên tòa. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc Ngân hàng N1 có nghĩa vụ liên đới theo phần bằng nhau với Công ty TNHH Đ1 trả cho Công ty T2 số tiền 4.998.640.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự và người tham gia tố tụng khác; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn là Công ty TNHH Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV Đ2 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, một phần yêu cầu kháng cáo liên quan số tiền xây dựng công trình Block C1.1 được bị đơn, Ngân hàng N1 có mặt tại phiên tòa đồng ý, bị đơn Công ty TNHH Đ1 không có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết vụ án đã từ bỏ yêu cầu nên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện có liên quan công trình xây dựng Block C1.1 do nguyên đơn đã rút tại phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự trong vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đặt ra giải quyết.

Các đương sự không khiếu nại, Viện kiểm sát không kiến nghị về chứng cứ nên sử dụng chứng cứ được giao nộp, thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Ngân hàng N1 có nghĩa vụ liên đới với Công ty TNHH Đ1 .

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày, thừa nhận của đương sự đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa đều thể hiện, nguồn gốc số tiền đầu tư xây dựng thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đ1 được xác lập từ tiền vay của Ngân hàng N1, đã được thanh toán cho công ty T2 theo ủy nhiệm chi với số tiền 9.450.000.000 đồng, trong khi giá trị xây dựng được nghiệm thu, quyết toán chỉ 8.497.923.094 đồng và công ty T2 đã nhận tiền xây dựng số tiền nhiều hơn giá trị xây dựng là trước khi Ngân hàng N1 xử lý tài sản thu hồi nợ. Việc công ty T2 đã chuyển trả lại Công ty TNHH Đ1 số tiền 3.000.000.000 đồng và không thực hiện các quyền yêu cầu thanh toán trong quá trình giải quyết vụ án giữa Ngân hàng N1 và Công ty TNHH Đ1 cũng là nguyên nhân dẫn đến quyền về tài sản của chính công ty T2 bị ảnh hưởng. Do vậy, không có căn cứ xác định Ngân hàng N1 còn phải có nghĩa vụ tài sản đối với công ty T2 tại công trình xây dựng Block C, C1.3 nên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc Ngân hàng N1 có nghĩa vụ liên đới với Công ty TNHH Đ1 đối với công ty T2 là không đủ cơ sở để được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1 , chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng

cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các nhận định trên là cơ sở để chấp nhận hoặc không chấp nhận lời trình bày và yêu cầu, đề nghị của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện liên quan công trình xây dựng Block C1.1 do nguyên đơn đã rút tại phiên tòa.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 166, 117, 122, 127 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 về việc đòi Ngân hàng N1 liên đới trách nhiệm với Công ty TNHH Đ1 trả số tiền 4.998.640.031 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Đ1 trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 2.047.923.536 đồng (*hai tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng*) đầu tư xây dựng công trình block C1.2, block C1.3 và 2.950.716.495 đồng (*hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng*) tiền lãi chậm thanh toán, tổng cộng số tiền 4.998.640.031 đồng (*bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn lẻ ba mươi một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai số

0006693 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, Công ty Cổ phần T2 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Đ1, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP. Vĩnh Long;
- VKSND TP. Vĩnh Long;
- CCTHADS TP. Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lâm Triệu Hữu